

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ**

Số: 282/2019/QC - VEE

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 4 năm 2019

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN CẨM PHẢ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 328/2018/NQ - ĐHĐCĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2018 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 biểu quyết thông qua Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 281/2019/NQ – ĐHĐCĐ, ngày 20 tháng 04 năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1- Mục đích, ý nghĩa

Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ, Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, tuân thủ nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị doanh nghiệp. Quy chế được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố trên trang Website của Công ty.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, và Người quản lý của Công ty cổ phần Thiết bị điện Cẩm Phả

1.2 - Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị, bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban Kiểm soát;
- d) Giao dịch với người có liên quan;
- đ) Báo cáo và công bố thông tin.

1.3- Đối tượng áp dụng

- a) Công ty; Các đơn vị trong Công ty.
- b) Cổ đông, tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Kiểm soát viên, Người điều hành Công ty, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1 “Quản trị Công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

2.2 “Cổ đông lớn” được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán (cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty).

2.3 “Người quản lý Công ty” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014 (bao gồm Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty gồm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT).

2.4 “Người điều hành Công ty” được quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2.5 “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là Thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2.6 “Người phụ trách quản trị Công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ và Điều lệ Công ty.

2.7 “Người nội bộ” được định nghĩa tại khoản 5 Điều 5 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính bao gồm Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT, Người được ủy quyền công bố thông tin.

2.8 “Những người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4, khoản 17 của Luật doanh nghiệp; Điều 6, khoản 34 của Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

3.1 Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 114, Điều 115 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty, ngoài ra cổ đông có các quyền sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Khi Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

3.2 Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp Quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại

cho Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ Quyết định đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.3 Nghĩa vụ của cổ đông lớn

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

- a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trình tự tổ chức Đại hội đồng cổ đông

4.1 Trên cơ sở kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông, Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết ấn định về ngày đăng ký cuối cùng, tức ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4.2 Người đại diện theo pháp luật ký Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng gửi và công bố thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Việc thông báo họp ĐHĐCĐ và chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định tại Quy chế số 197/QĐ-VSD ngày 29/9/2017 của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, đồng thời đăng tải trên Website của Công ty để cổ đông tiếp cận.

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

5.1 Trong khoảng thời gian được quy định tại Quy chế số 197/QĐ-VSD ngày 29/9/2017, Công ty tiếp nhận Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày chốt do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp (Danh sách cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông ứng với số cổ phần sở hữu của họ).

5.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký Thông báo cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông (thay Giấy mời). Nội dung Thông báo bao gồm: Thời gian, địa điểm, chương trình nghị sự của Đại hội, ngày chốt danh sách cổ đông, quy định việc đăng ký dự họp, ủy quyền họp, địa chỉ đường dẫn để cổ đông truy cập thông tin về Đại hội và văn kiện, tài liệu Đại hội.

5.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công cho Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện:

- a) Công bố thông tin với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Thông báo họp kèm đường dẫn đăng tải văn kiện, tài liệu Đại hội để cổ đông tiếp cận.
- b) Gửi Thông báo tới các cổ đông theo địa chỉ đăng ký của họ trước ngày khai mạc Đại hội 15 ngày.

Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

6.1 Cổ đông có trong Danh sách ngày chốt đều có quyền đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty gửi tới cổ đông mẫu để cổ đông xác nhận đăng ký sẽ tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhằm để Công ty thực hiện công tác chuẩn bị cho phiên họp được chu đáo.

6.2 Cổ đông dự họp mang theo các giấy tờ cần thiết ghi trong Thông báo và làm thủ tục ghi danh trước khi dự họp Đại hội.

6.3 Đại diện cổ đông (người được cổ đông ủy quyền dự họp) ngoài việc mang theo các giấy tờ cần thiết ghi trong Thông báo, còn phải chịu sự kiểm soát với nghiệp vụ nhất định của Công ty về giấy ủy quyền khi làm thủ tục ghi danh (ủy quyền hợp lệ). Trường hợp giấy ủy quyền không hợp lệ, Ban thẩm tra tư cách cổ đông trình báo Chủ tọa Đại hội để người đó dự họp với tư cách dự thính.

Điều 7. Báo cáo của Hội đồng quản trị, của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu trong Đại hội đồng cổ đông

7.1 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
- d) Kết quả giám sát đối với Giám đốc và Người điều hành khác;
- đ) Chiến lược phát triển, các kế hoạch trong tương lai.

7.2 Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- b) Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát;
- c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- d) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các Người điều hành khác;
- đ) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

7.3 Cách thức bỏ phiếu bầu, bỏ phiếu miễn nhiệm các chức danh; Cách thức kiểm phiếu và cách thức bỏ phiếu thông qua các nội dung của Đại hội đồng cổ đông được thể hiện trong Quy chế bầu cử được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo Điều 129 Luật Doanh nghiệp năm 2014, như sau:

8.1 Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

8.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 8.1 Điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận nằm trong giới hạn biên độ giá của sàn UPCOM trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Việc Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán.

Điều 9. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

9.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi Biên bản bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh khi cần thiết với các nội dung chính, sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
- b. Thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung Đại hội;
- c. Họ, tên Chủ tọa/ Đoàn Chủ tịch và Thư ký;
- d. Tóm tắt diễn biến Đại hội, các ý kiến tại Đại hội về từng vấn đề trong chương trình Đại hội;

đ. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự Đại hội; Phụ lục danh sách cổ đông, đại diện cổ đông dự Đại hội với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

e. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết; Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

9.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập và thông qua trước khi kết thúc Đại hội. Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản Đại hội.

9.3 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin và lưu giữ theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội ký ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để công bố thông tin trong vòng 24 giờ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố trên Website Công ty.

Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

11.1 Thẩm quyền. Hội đồng quản trị lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty (trừ các vấn đề: Định hướng phát triển; thông qua báo cáo tài chính năm; tổ chức lại, giải thể; quyết định đầu tư/bán số tài sản có giá trị trên 30% (ba mươi) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty);

11.2 Quy trình lấy ý kiến.

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, ấn định về ngày đăng ký cuối cùng.

b) Người đại diện theo pháp luật ký Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng gửi và công bố thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định tại Quy chế số 197/QĐ-VSD ngày 29/9/2017 của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

c) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị văn kiện, tài liệu Đại hội đồng cổ đông bất thường; Phiếu lấy ý kiến được gửi cho các cổ đông có trong danh sách ngày chốt do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp. Nội dung Phiếu lấy ý kiến theo Điều 21 Điều lệ Công ty.

11.3 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông và được gửi về trụ sở chính của Công ty đúng thời hạn theo các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi thư về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) *Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.*

Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến là không hợp lệ;

11.4 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

11.5 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được đăng công bố thông tin trên trang Website của Công ty để cổ đông tiếp cận. Trường hợp cổ đông yêu cầu Công ty cấp biên bản kết quả kiểm phiếu cho mình thì cổ đông đó phải có văn bản yêu cầu gửi về trụ sở Công ty.

CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị

12.1 Theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp năm 2014 Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp năm 2014;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.

12.2 Theo khoản 2 Điều 13 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ, cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số Thành viên Hội đồng quản trị phải là Thành viên không điều hành.

Điều 13. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Thành viên Hội đồng quản trị của theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Cách thức giới thiệu ứng viên Thành viên Hội đồng quản trị.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Cách thức giới thiệu ứng viên Thành viên Hội đồng quản trị: Cổ đông thay mặt nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết với tỷ lệ nêu trên giới thiệu trước Đại hội ứng viên đề Đại hội bầu, gồm: Họ, tên, thông tin cá nhân của ứng viên được giới thiệu, họ tên, thông tin cá nhân và tổng sở hữu cổ phần của nhóm cổ đông, để Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xác nhận.

Điều 14. Cách thức bầu Thành viên Hội đồng quản trị

Theo khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty, việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử của Đại hội.

Điều 15. Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị

Theo khoản 5 Điều 24 Điều lệ Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó không đủ tư cách làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm Thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức gửi về Công ty.
- c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép Thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e) Thành viên đó bị cách chức Thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cách thức thông qua miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện bằng phiếu bầu cử miễn nhiệm, bãi nhiệm. Thành viên Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi tỷ lệ thông qua đạt từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

CHƯƠNG IV:

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Thông báo họp Hội đồng quản trị

16.1 Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ.

Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một Thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các Thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số. Cuộc họp này Hội đồng quản trị bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

16.2 Cuộc họp thường kỳ và bất thường.

Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan) phải được gửi trước cho các Thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 5 (năm) ngày trước khi tổ chức họp, các Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những Thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng Thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

Điều 17. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

17.1 Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

17.2 Cuộc họp Hội đồng quản trị trên điện thoại hoặc Hội đồng quản trị ra Nghị quyết bằng văn bản được thực hiện theo khoản 12, 13 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 18. Cách thức biểu quyết

Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết và ra Quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số Thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán Thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là lá phiếu quyết định.

Các nội dung Thành viên Hội đồng quản trị không được quyền biểu quyết theo khoản 9 Điều 27 Điều lệ Công ty được xem như không có lá phiếu biểu quyết của Thành viên Hội đồng quản trị về vấn đề đó.

Điều 19. Cách thức thông qua Biên bản họp Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Hội đồng quản trị; Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

19.1 Biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các Thành viên và những Biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

19.2 Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị ký và ban hành các Nghị quyết trên cơ sở các nội dung đã được thống nhất trong Hội đồng quản trị.

19.3 Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết Hội đồng quản trị về các nội dung điều hành nội bộ được phân phối cho các Thành viên Hội đồng quản trị và các bộ phận liên quan, Nghị quyết Hội đồng quản trị về các vấn đề do pháp luật điều chỉnh phải được công bố thông tin công khai theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, BÃI NHIỆM, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Tiêu chuẩn Thành viên Ban Kiểm soát

Theo khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty Thành viên Ban Kiểm soát có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không phải là người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
- d) Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Khi Công ty niêm yết cổ phiếu, các Thành viên Ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 21. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp ứng viên Ban Kiểm soát đã được xác định từ trước, Công ty phải công bố lý lịch của ứng viên trong văn kiện, tài liệu của Đại hội.

Cách thức giới thiệu ứng viên Ban Kiểm soát: Cổ đông thay mặt nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết với tỷ lệ nêu trên giới thiệu trước Đại hội ứng viên để Đại hội bầu, gồm: Họ tên, thông tin cá nhân của ứng viên được giới thiệu, họ tên, thông tin cá nhân và tổng sở hữu cổ phần của nhóm cổ đông, đề Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xác nhận.

Điều 22. Cách thức bầu Thành viên Ban Kiểm soát

Việc biểu quyết bầu Thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử của Đại hội.

Điều 23. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách Thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Thành viên Ban Kiểm soát;

b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép Thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e) Thành viên đó bị cách chức Thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cách thức thông qua miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện bằng phiếu bầu cử miễn nhiệm, bãi nhiệm. Thành viên Ban Kiểm soát miễn nhiệm, bãi nhiệm khi tỷ lệ thông qua đạt từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

CHƯƠNG VI: BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 24. Tiêu chuẩn của Người điều hành Công ty

Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc và Người điều hành Công ty khác theo Điều 65 Luật Doanh nghiệp năm 2014, như sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty, nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

Điều 25. Giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm kỳ của Giám đốc thực hiện theo Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 26. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty

Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng/ bổ nhiệm Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và Quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Việc thông báo và công bố thông tin việc bổ nhiệm, miễn nhiệm việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty nêu trên thực hiện theo quy định của pháp luật trong vòng 24 giờ kể từ ngày ký Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

Điều 27. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành Công ty

27.1 Ký hợp đồng lao động với Giám đốc.

Theo điểm i khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì Hội đồng quản trị có nghĩa vụ: “Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định...”. Như vậy, hợp đồng lao động đối với Giám đốc là do Hội đồng quản trị ký.

27.2 Ký hợp đồng lao động với Người điều hành khác.

Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 14 Thông tư số 30/2013/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, thì người có thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động với người lao động là Người đại diện theo pháp luật, tức Giám đốc ký.

CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC

Điều 28. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi Biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc

Hội đồng quản trị họp định kỳ, đột xuất theo Điều lệ Công ty quy định. Khi cần thiết cần bàn bạc để quyết định các vấn đề lớn, Hội đồng quản trị mời thêm Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc hoặc một số thành viên khác cùng dự.

Hội đồng quản trị lập kế hoạch, chương trình nghị sự và thông báo tới các thành viên dự họp trước 07 (bảy) ngày.

Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị mở rộng như vậy được biểu quyết và ký bởi các Thành viên Hội đồng quản trị. Nghị quyết/ Quyết định được thông qua với tỷ lệ tán thành trên 50% số Thành viên Hội đồng quản trị có mặt, mà không phụ thuộc ý kiến của các Thành viên khác dự họp. Tuy nhiên, ý kiến phản đối của Thành viên dự họp được Hội đồng quản trị xem xét, cân nhắc quyết định và thông báo lại cho Thành viên đó biết sau.

Điều 29. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát

Nghị quyết/ Biên bản của Hội đồng quản trị có liên quan cần thiết được cung cấp cho Ban Kiểm soát.

Điều 30. Trường hợp Giám đốc/ Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Khi có văn bản yêu cầu của Giám đốc hoặc của Ban Kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.

Điều 31. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

31.1 Giám đốc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm theo khoản 4 Điều 30 Điều lệ Công ty, như sau:

- a) Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định

mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e) Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.

f) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g) Quyết định những biện pháp nâng cao hiệu quả và quản lý của Công ty;

h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng trình đề Hội đồng quản trị thông qua.

i) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.

31.2 Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo khi được yêu cầu. Các vấn đề nổi cộm, hoặc gặp khó khăn, Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát kịp thời.

31.3 Hội đồng quản trị kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc ngay trong các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các Thành viên Hội đồng quản trị, các Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc.

32.1 Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

- Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp khi thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, gặp phải vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Giám đốc vẫn thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và chuyển lên Ban Kiểm soát Công ty.

- Tổng Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới; Lập các loại báo cáo công bố thông tin định kỳ đối với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Thành viên Hội đồng quản trị khi thấy cần thiết có quyền tham dự các cuộc họp do Ban Giám đốc chủ trì. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

32.2 Thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

a) Đối với Hội đồng quản trị:

- Khi có cuộc họp Hội đồng quản trị mở rộng để giải quyết các vấn đề trọng tâm, cấp bách của Công ty, Hội đồng quản trị thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến Ban Kiểm soát;

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban Kiểm soát đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc; Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải có trách nhiệm phản hồi.

b) Đối với Ban Kiểm soát:

- Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động trong quá trình kiểm soát, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

- Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Thành viên Hội đồng quản trị tham dự và trả lời các vấn đề mà Ban Kiểm soát quan tâm;

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban Kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản gửi cho Hội đồng quản trị;

32.3 Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

- Khi thấy cần thiết phục vụ cho các công việc giám sát của mình, Trưởng Ban Kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận đóng góp ý kiến cho các vấn đề quan trọng nhưng không được quyền biểu quyết.

- Trong quá trình thực hiện kiểm tra giám sát, nếu Ban Kiểm soát phát hiện ra các vấn đề không có lợi hoặc trái với các quy định của pháp luật hiện hành thì phải báo ngay với Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét.

CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của Người quản lý Công ty

33.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan; Đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

33.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính Thành viên đó hoặc với những người có liên quan của Thành viên đó theo quy định của pháp luật.

33.3 Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho Thành viên đó hoặc người có liên quan của Thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

33.4 Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 34. Việc dịch vụ với người có liên quan, với cổ đông, với Người quản lý Công ty và người có liên quan của các đối tượng này

Các thành viên và các đối tượng liên quan trong Công ty phải tuân thủ Điều 25, Điều 26 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ quy định.

CHƯƠNG VIII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN; QUY ĐỊNH NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 35. Báo cáo và công bố thông tin

35.1 Công ty là Công ty đại chúng quy mô lớn có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường các nội dung sự kiện của Công ty theo quy định của pháp luật được quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

35.2 Người thực hiện công bố thông tin của Công ty là Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin. Người được ủy quyền công bố thông tin phải được Người đại diện theo pháp luật ký Giấy ủy quyền và phải báo cáo đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Thành viên là Người điều hành giữ chức vụ cao nhất của Công ty có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin này.

Điều 36. Người phụ trách quản trị Công ty

36.1 Theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ, Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính quy định chức danh Người phụ trách quản trị Công ty. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

36.2 Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

36.3 Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 37. Đánh giá hoạt động

37.1 Hội đồng quản trị xây dựng bản phân công nhiệm vụ các Thành viên Hội đồng quản trị. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, Hội đồng quản trị đánh giá hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị.

37.2 Việc đánh giá hoạt động của Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

37.3 Việc đánh giá hoạt động của cán bộ khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý này theo vị trí công tác và chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 38. Khen thưởng và kỷ luật

Công ty hình thành quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành do Đại hội đồng cổ đông thường niên phê chuẩn để chi thưởng cho các Thành viên Ban Quản lý điều hành Công ty. Căn cứ vào đánh giá hoạt động trên, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát xem xét khen thưởng, kỷ luật theo thẩm quyền và hình thức tương ứng quy định tại Quy chế nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG IX:

THẨM QUYỀN BAN HÀNH VÀ HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ

Điều 39. Thẩm quyền ban hành Quy chế

Quy chế quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến Quy chế quản trị của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

Điều 40. Ngày hiệu lực

Quy chế này gồm IX Chương 40 Điều được sửa đổi, bổ sung thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 20 tháng 4 năm 2019.

Quy chế quản trị Công ty này là Quy chế chính thức của Công ty./.

Nơi nhận:

- TV. HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Các cổ đông;
- Lưu TC- HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Thành Biên